

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2022

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Sơn Điền
2. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 236/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 84/2022/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Số 117/26 ấp Láng HB, xã Thanh X, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn G, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ 2, Ấp Hòa T, xã Tân T, thị xã Tân C, tỉnh An Giang.

Chị N có mặt, anh G vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh G sau thời gian tìm hiểu, quyết định tiến tới hôn nhân năm 2010, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh X, huyện Châu TA, tỉnh Hậu Giang, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 quyền số 01/ 2011.

Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, vì con

còn nhỏ nên cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, đến năm 2021 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nhận thấy không hợp nhau nữa nên đã không sống chung, do vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh G.

- Về nuôi con chung: Chị N và anh G có 01 đứa con chung tên Lê Ngọc A, sinh ngày 18/11/2012, thời gian trước đây sống với anh G, tuy nhiên anh G đã giao con lại cho chị N uôi dưỡng, và chị N đã cho cháu đi học từ lúc tựu trường cho đến nay. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung : Không có.

Bị đơn anh Võ Văn G có lời khai trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, cũng như mâu thuẫn vợ chồng như chị N trình bày, anh G thừa nhận có lỗi nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh G cho rằng nghĩ tình nghĩa vợ chồng nên không muốn ly hôn với chị N.

- Về nuôi con chung: Chị N và anh G có 01 đứa con chung tên Lê Ngọc A, sinh ngày 18/11/2012, thời gian trước đây sống với anh G, anh G cho rằng do anh không đồng ý ly hôn, nên việc ai là người trực tiếp nuôi con khi ly hôn thì anh không đề cập đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham giam tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 – 71- 72 - 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh G vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị N với anh Võ Văn G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23 quyển số 01/ 2011.do UBND xã Thạnh X, huyện Châu TA, tỉnh Hậu Giang, cấp cho chị Lê Thị N và anh Võ Văn G không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 18/11/2012, cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và tự lập được, anh G không phải dưỡng nuôi con chung.

Chị N tạo mọi điều kiện cho anh G đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở anh G thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn G có địa chỉ cư trú tại: Tổ 2, Ấp Hòa T, xã Tân T, thị xã Tân C, tỉnh An Giang, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Văn G vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh G sống chung, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh X, huyện Châu TA, tỉnh Hậu Giang, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giấy chứng nhận kết hôn số số 23 quyền số 01/ 2011 là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, vì con còn nhỏ nên cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, đến năm 2021 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nhận thấy không hợp nhau nữa nên đã không sống chung, do vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh G.

Giàu thừa nhận có lỗi nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh G cho rằng nghĩ tình nghĩa vợ chồng nên không muốn ly hôn với chị N

Nhận thấy, theo quy định của pháp luật, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống, tuy nhiên cuộc sống chung, anh G chưa làm tròn trách nhiệm đối với gia đình, không chăm lo cho gia đình, mặc dù anh G không muốn ly hôn, nhưng nhận thấy, cuộc sống chung giữa chị N và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được, nên cần cho ly hôn giữa chị N với anh G là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị N và anh G có 01 đứa con chung tên Lê Ngọc A, sinh ngày 18/11/2012, thời gian trước đây sống với anh G, tuy nhiên anh G đã giao con lại cho chị N uôi dưỡng, và chị N đã cho cháu đi học từ lúc tựu trường năm 2022 cho đến nay. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy, các cháu Anh đã sống với chị N ổn định, được chị N lo cho ăn học tốt, do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Anh cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Ngọc tạo mọi điều kiện cho anh G đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở anh Hồ thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N, anh G thống nhất không có tài sản chung và không nợ ai, do đó không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004910 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Lê Thị N với anh Võ Văn G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23 quyền số 01/ 2011.do UBND xã Thạnh X, huyện Châu TA, tỉnh Hậu Giang, cấp cho chị Lê Thị N và anh Võ Văn G không còn giá trị pháp lý.

- *Về nuôi con chung:* Giao cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 18/11/2012 cho chị Lê Thị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và tự lập được, anh Võ Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị N tạo mọi điều kiện cho anh Võ Văn G đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở anh Võ Văn G thực hiện quyền này

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có

- Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0004910 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

- Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị N có mặt phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Võ Văn G vắng mặt tại phiên, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hòa Bình